

Số: 85 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2022

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc thực hiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên và Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở

Thực hiện Quyết định số 82/QĐ-TTr ngày 21/02/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, từ ngày 28/02/2022 đến ngày 04/03/2022, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là Sở) và Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là Trung tâm); thời kỳ thanh tra từ ngày 01/1/2020 đến thời điểm thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh ngày 14/4/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Thông tin về địa phương

Phú Yên là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ, diện tích tự nhiên 5.054 km<sup>2</sup>, dân số 875.535 người (năm 2021), trong đó 52,5% số người trong độ tuổi lao động.

Tổng số cơ quan, đơn vị có sử dụng lao động: 3.671 đơn vị với 63.212 lao động, trong đó 2.938 đơn vị với 57.533 lao động thuộc đối tượng bắt buộc phải tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN).

##### 2. Thông tin chung về Sở và Trung tâm

- Sở là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước các lĩnh vực: việc làm, dạy nghề, lao động, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội; thực hiện các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở và các nhiệm vụ khác theo UBND tỉnh giao. Sở chịu sự quản lý và điều hành của UBND tỉnh, sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.

- Sở có 03 Phó giám đốc (01 Phó giám đốc phụ trách), 08 phòng chuyên môn và 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, có nhiệm vụ: tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề cho người lao động; thu thập, phân tích thông tin về thị trường lao động; tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký hưởng BHTN và



thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ bảo BHTN; tổ chức dạy nghề, tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTN.

- Trung tâm có Giám đốc, 01 phó giám đốc và 02 phòng chuyên môn (Phòng Hành chính - Tài vụ - Đào tạo và Phòng Tư vấn giới thiệu việc làm - BHTN).

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BHTN TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Công tác tham mưu, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BHTN**

#### **1.1 Công tác tham mưu ban hành các văn bản thực hiện chính sách pháp luật về BHTN**

Trong thời kỳ thanh tra, Sở đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-SLĐTBXH-LĐVL ngày 01/7/2021 về việc triển khai Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động; đồng thời tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 28/7/2017 về tuyên truyền pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động giai đoạn 2017 - 2021.

#### **1.2. Công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTN**

- Sở đã chỉ đạo Trung tâm tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHTN, cụ thể: đã phát 18.500 tờ rơi cho lao động tự do, lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; treo băng rôn tại 110 xã, phường, thị trấn; đăng 10 số báo, tạp chí; tổ chức tuyên truyền 20 lần trên Đài phát thanh và Truyền hình Phú Yên; tổ chức 10 phiên giao dịch việc làm tại các xã, huyện và trụ sở tiếp nhận hồ sơ BHTN của Trung tâm.

- Trung tâm đã tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tư vấn hỗ trợ học nghề, thu thập thông tin thị trường lao động, tìm kiếm các vị trí việc làm trống của các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động, tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động và cố định để kết nối cung - cầu phục vụ cho đối tượng BHTN tìm kiếm việc làm sớm quay lại thị trường lao động.

- Kết quả kiểm tra xác minh 03 doanh nghiệp thuộc Khu công nghiệp Hòa Hiệp đều không biết quy định nên không thông báo tình hình biến động lao động với Trung tâm theo quy định tại Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (các doanh nghiệp chỉ báo cáo Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên theo mẫu số 01/PL1 phụ lục I của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020).

#### **1.3. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách BHTN**

- Sở đã chỉ đạo Trung tâm bố trí nhân sự và cơ sở vật chất để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp, thực hiện công tác tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp của người lao động, tham mưu ban hành quyết định hưởng, tạm dừng, chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

- Đã chỉ đạo các trường, trung tâm đào tạo nghề tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và đào tạo nghề cho người lao động ngay từ khi nộp hồ

sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp để người lao động có thêm cơ hội nâng cao kỹ năng nghề để tìm kiếm việc làm mới, cụ thể: Công văn số 64/SLĐT BXH-LĐVL ngày 31/01/2020; Công văn số 1079/SLĐT BXH-LĐVL ngày 22/9/2020 và Công văn số 22/SLĐT BXH-LĐVL ngày 07/01/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**1.4. Công tác phối hợp giữa ngành lao động - thương binh và xã hội với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cấp, ngành có liên quan trong việc thực hiện chế độ, chính sách BHTN tại địa phương**

Trên cơ sở Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (ban hành theo Quyết định số 102/QĐ-BCĐ ngày 05/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên), cán bộ Sở và Trung tâm thường xuyên phối hợp với cán bộ Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên trong công tác giải quyết các chế độ BHTN cho người lao động để kịp thời phát hiện người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có việc làm nhưng không khai báo với Trung tâm, cũng như phát hiện những trường hợp đã có việc làm mới, vẫn nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp.

**1.5 Công tác báo cáo**

Sở và Trung tâm đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện pháp luật về BHTN theo đúng quy định, cụ thể: Báo cáo số 11/BC-SLĐTBXH-LĐVL ngày 21/01/2021 của Sở về tình hình thực hiện BHTN năm 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo số 07/BC-SLĐTBXH-LĐVL ngày 17/01/2022 của Sở về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**1.6. Công tác lưu trữ hồ sơ**

Trung tâm lưu trữ hồ sơ của mỗi người lao động về BHTN vào một túi đựng hồ sơ riêng, thuận tiện cho việc lưu trữ và khai thác sử dụng.

**2. Tình hình thu, nộp bảo hiểm thất nghiệp tại địa phương**

**2.1. Tình hình tham gia BHTN**

- Số đơn vị đã tham gia BHTN/số đơn vị thuộc đối tượng phải tham gia BHTN.

+ Năm 2020: 2.714/2.751 đơn vị thuộc đối tượng đã tham gia BHTN.

+ Năm 2021: 2.392/2.429 đơn vị thuộc đối tượng đã tham gia BHTN.

+ Tháng 02/2022: 2.412/2.449 đơn vị thuộc đối tượng đã tham gia BHTN.

- Số người đã tham gia BHTN/số người thuộc diện phải tham gia BHTN.

+ Năm 2020: 48.736/48.868 người thuộc diện đã tham gia BHTN.

+ Năm 2021: 49.578/49.710 người thuộc diện đã tham gia BHTN.

+ Tháng 02/2022: 50.217/50.349 người thuộc diện đã tham gia BHTN.

**2.2. Tình hình chậm đóng BHTN**

- Số đơn vị chậm đóng BHTN /số đơn vị tham gia BHTN.

+ Năm 2020: 1.158/2.714 tổng số đơn vị tham gia BHTN.

+ Năm 2021: 926/2.392 tổng số đơn vị tham gia BHTN.

- + Tháng 02/2022: 1.442/2.412 tổng số đơn vị tham gia BHTN.
- Tổng số tiền các đơn vị chậm đóng BHTN
- + Năm 2020: 1.361.310.644 đồng
- + Năm 2021: 1.320.073.247 đồng
- + Tháng 02/2022: 1.566.622.774 đồng

### **2.3. Công tác thu hồi các trường hợp hưởng TCTN không đúng quy định**

- Sở đã phối hợp với BHXH tỉnh thực hiện thu hồi số tiền người lao động hưởng sai quy định, kết quả:

- Năm 2020
  - + Số người phải thu hồi: 102 người với số tiền : 366.013.347 đồng
  - + Đã thu hồi: 85/102 người với số tiền: 305.080.367 đồng
  - + Số còn phải thu hồi: 17 người với số tiền: 60.932.980 đồng
- Năm 2021
  - + Số người phải thu hồi: 51 người với số tiền: 297.016.487 đồng
  - + Đã thu hồi: 40/51 người với số tiền: 262.909.916 đồng,
  - + Số còn phải thu hồi: 11 người với số tiền: 34.106.571 đồng
- 02 tháng đầu năm 2022
  - + Số người phải thu hồi: 02 người với số tiền: 4.413.900 đồng
  - + Đã thu hồi: 01 người với số tiền: 2.109.800 đồng,
  - + Số còn phải thu hồi: 01 người với số tiền: 2.304.100 đồng
- Đến thời điểm thanh tra còn 29 trường hợp phải thu hồi (*Phụ lục 01 kèm theo*).

### **3. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp**

- Năm 2020, Sở ban hành 6.772 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 120 quyết định chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đi địa phương khác, 74 quyết định chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp từ địa phương khác đến, 75 quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, 13 quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp, 6.091 quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (phân loại theo lý do chấm dứt: hết thời gian hưởng là 5.871 quyết định; có việc làm là 182 quyết định; không thông báo tìm kiếm việc làm 03 tháng liên tục là 02 quyết định; chết, hưu trí là 36 quyết định) và 120 quyết định hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tổng số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp theo các quyết định đã ban hành: 89.355.214.302 đồng.

- Năm 2021, Sở ban hành 4.778 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 71 quyết định chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đi địa phương khác, 52 quyết định chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp từ địa phương khác đến, 44 quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, 11 quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp, 5.098 quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (phân loại theo lý do chấm dứt: hết thời gian hưởng là 4.945 quyết định; có việc làm là 134 quyết

định; không thông báo tìm kiếm việc làm 03 tháng liên tục là 05 quyết định; chết, hưu trí là 14 quyết định) và 73 quyết định hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tổng số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp theo các quyết định đã ban hành: 68.557.263.643 đồng.

- 02 tháng đầu năm 2022: Sở ban hành 1.113 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 120 quyết định chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đi địa phương khác, 05 quyết định chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp từ địa phương khác đến, 07 quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, 01 quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp, 622 quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (phân loại theo lý do chấm dứt: hết thời gian hưởng là 599 quyết định; có việc làm là 19 quyết định; không thông báo tìm kiếm việc làm 03 tháng liên tục là 03 quyết định; chết, hưu trí là 01 quyết định) và 04 quyết định hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tổng số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp theo các quyết định đã ban hành 17.884.599.989 đồng.

#### **4. Tình hình quyết toán kinh phí chi BHTN**

##### **4.1. Năm 2020**

- Kinh phí được sử dụng năm 2020: 2.733.011.000 đồng, trong đó:
  - + Dư năm 2019 chuyển qua: 151.981.000 đồng.
  - + Cấp năm 2020: 2.581.120.000 đồng.
- Kinh phí sử dụng đủ điều kiện quyết toán: 2.637.720.000 đồng, trong đó:
  - + Chi thường xuyên: 1.916.720.000 đồng.
  - + Chi thường xuyên đặc thù: 721.000.000 đồng.
- Kinh phí dư chuyển năm 2021 tiếp tục sử dụng: 140.771.000 đồng, trong đó:
  - + Kinh phí thuê văn phòng: 30.291.000 đồng.
  - + Kinh phí thường xuyên đặc thù: 110.480.000 đồng.

##### **4.2. Năm 2021**

- Kinh phí được sử dụng năm 2021: 2.730.412.000 đồng, trong đó:
  - + Dư năm 2020 chuyển qua: 140.771.000 đồng.
  - + Cấp năm 2021: 2.589.641.000 đồng.
- Kinh phí sử dụng đủ điều kiện quyết toán: 2.471.207.000 đồng, trong đó:
  - + Chi thường xuyên: 1.741.568.000 đồng.
  - + Chi không thường xuyên: 177.950.000 đồng.
  - + Chi thường xuyên đặc thù: 551.689.000 đồng.
- Kinh phí dư chuyển năm 2022 tiếp tục sử dụng: 259.205.000 đồng.
  - + Chi không thường xuyên: 30.250.000 đồng.

##### **4.3. Hai tháng đầu năm 2022**

- Kinh phí tạm sử dụng năm 2022: 693.426.000 đồng.
- + Dư năm 2021 chuyển qua: 259.205.000 đồng.
- + Cấp kinh phí quý I: 434.221.000 đồng.

- Kinh phí đã thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/02/2022: 313.654.315 đồng.

- Tiền lương đối với cán bộ làm công tác BHTN và cán bộ có liên quan đã được Trung tâm chi trả theo quy chế chi tiêu nội bộ, mức từ 1.0 đến 1.8, theo từng vị trí việc làm được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

- Trung tâm đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động.

### **5. Kết quả hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm**

- Trong thời kỳ thanh tra, tổng số lượt người được tư vấn giới thiệu việc làm/ số người hưởng BHTN: 25.024 lượt người/12.424 lượt người hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Trung tâm đã bố trí cán bộ, địa điểm tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động, kết quả: 100% người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp đã được tư vấn về việc làm và học nghề.

### **6. Hỗ trợ học nghề**

#### **6.1. Hỗ trợ học nghề đối với người lao động**

- Số người hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ học nghề/tổng số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp

+ Năm 2020 số người được hỗ trợ học nghề: 17/6.772 người.

+ Năm 2021 số người được hỗ trợ học nghề: 5/4.778 người.

+ 02 tháng đầu năm 2022: số người được hỗ trợ học nghề 0/874 người.

- Thời gian hỗ trợ học nghề theo thực tế nhưng không quá 6 tháng, mức hỗ trợ học nghề từ 1.000.000 đến 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Số tiền đã thanh toán qua các năm

+ Năm 2020 số tiền đã thanh toán: 75.000.000 đồng.

+ Năm 2021 số tiền đã thanh toán: 24.500.000 đồng.

+ 02 tháng đầu năm 2022 số tiền đã thanh toán: không phát sinh.

#### **6.2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, không có đơn vị sử dụng lao động đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

### **7. Công tác thanh tra và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo về BHTN**

- Công tác thanh tra thực hiện pháp luật về BHTN

+ Sở đã phối hợp với BHXH tỉnh thành lập Tổ công tác liên ngành đôn đốc thu nợ BHXH, BHYT, BHTN. Kết quả năm 2021 đã thu được của 69/118 đơn vị nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN với số tiền: 5.216.003.457 đồng.

+ Năm 2021, Thanh tra Sở phối hợp với Trung tâm xử lý 08 trường hợp người lao động vi phạm có việc làm nhưng vẫn hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đề nghị tại Công văn số 1048/TTDVLV ngày 11/11/2021 của Trung tâm; ban

hành 05 quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp và 03 quyết định thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp với số tiền 9.521.900 đồng. Tuy nhiên, quá trình xác minh, xử lý không lập biên bản vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính đối với người lao động có hành vi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có việc làm nhưng không thông báo với Trung tâm theo Điều 40 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/1/2022 của Chính phủ.

+ Trong thời kỳ thanh tra, do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Sở đã dừng thanh tra việc thực hiện pháp luật BHTN theo kế hoạch.

- Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo

Đã giải quyết 1/1 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền đúng theo quy định; trong thời kỳ thanh tra, địa phương không phát sinh đơn tố cáo về BHTN.

### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật về BHTN đã được Sở và Trung tâm thực hiện

1.1. Đã ban hành văn bản, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách pháp luật về BHTN với nội dung và hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú.

1.2. Đã phối hợp với tốt với cơ quan BHXH tỉnh tỉnh Phú Yên để thực hiện chính sách pháp luật về BHTN trên địa bàn.

1.3. Đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

1.4. Đã thực hiện quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đúng theo thủ tục hành chính về BHTN của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định.

1.5. Đã quản lý, sử dụng kinh phí quản lý BHTN đúng quy định.

1.6. Đã tổ chức công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho toàn bộ người lao động có nhu cầu tư vấn.

1.7. Đã tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề kịp thời, đáp ứng nhu cầu của người lao động.

1.8. Đã lưu trữ hồ sơ về BHTN khoa học, thuận tiện cho việc khai thác và sử dụng.

#### 2. Những quy định của pháp luật về BHTN chưa được Sở và Trung tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Giải quyết thủ tục hành chính hỗ trợ học nghề trong 10 ngày làm việc việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề (theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú yên) là không đúng thời hạn quy định tại Điều 55 Luật Việc làm (từ 16 đến 20 ngày làm việc).

2.2. Phối hợp tuyên truyền pháp luật về BHTN với Ban quản lý các Khu kinh tế chưa tốt, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp chỉ báo cáo biến động lao động đến Ban quản lý các các Khu kinh tế nhưng không thông báo biến động lao động hàng tháng đến Trung tâm Dịch vụ việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều 16, Mẫu số 29 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Chưa ban hành quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với 02 trường hợp đã có việc làm theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Việc làm (Phụ lục 1 kèm theo).

2.4. Đến thời điểm thanh tra còn 29 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp BHTN sai quy định với số tiền: 36.410.671 đồng, nhưng Sở chưa phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện thu hồi đối với 29 trường hợp theo quy định tại khoản 16, Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (Phụ lục 2 kèm theo).

2.5. Ghi ngày trả kết quả hỗ trợ học nghề trong Phiếu hẹn trả kết quả (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP) không đúng quy định tại điểm 5, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (ghi 03 ngày trả kết quả).

2.6. Phiếu hẹn trả kết quả không ghi ngày, tháng, năm người lao động nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc hỗ trợ học nghề, quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (Quyết định hưởng số 5602/QĐ-SLĐTBXH ngày 09/11/2021, số 5736/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/11/2021; số 5855 và 5856/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/11/2021).

2.7. Nội dung thông báo tìm kiếm việc làm ghi “chưa có nhu cầu” hoặc “chưa liên hệ” (thông báo tìm kiếm việc làm của các hồ sơ hưởng theo Quyết định số 5657/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/11/2021, các Quyết định số 5962, 5964, 5965/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/11/2021) là không đúng theo hướng dẫn tại Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.8. Không xử lý vi phạm hành chính đối với người lao động có hành vi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có việc làm nhưng không thông báo với Trung tâm theo Điều 40 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/1/2022 của Chính phủ.

#### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiến nghị:

##### **1. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên**

Sửa đổi Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 về công bố danh mục thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Phú Yên, cụ thể: quy định thời gian giải quyết thủ tục hỗ trợ học nghề từ 16 đến 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề để phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Việc làm.

##### **2. Đối với Giám đốc Sở**

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh khắc phục các sai phạm, thiếu sót nêu tại tiết 2.2, 2.3, 2.4 tại điểm 2, Mục III Kết luận thanh tra này.

- Chỉ đạo Thanh tra Sở, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ xử lý, thu hồi tiền hưởng sai trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động có việc làm nhưng không thông báo với Trung tâm, phải lập biên bản vi phạm để xử phạt theo Điều 40 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/1/2022 của Chính phủ.



- Chỉ đạo Trung tâm khắc phục sai phạm nêu tại tiết 2.5, 2.6 và 2.7 điểm 2, Mục III Kết luận thanh tra này.

### 3. Đối với Giám đốc Trung tâm

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn khắc phục các sai phạm nêu trên.

Sau 45 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này, yêu cầu Giám đốc Sở báo cáo bằng văn bản kết quả khắc phục các thiếu sót nêu tại Mục III Kết luận thanh tra này về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Phú Yên (để t/h);
- Sở LĐTBXH tỉnh Phú Yên (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thị Hồng Diệp**

**DANH SÁCH CÁC TRƯỞNG HỢP SỞ CHỮA BAN HÀNH QĐ CHẤM DỨT HUỖNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số sổ BHXH	Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	Số công văn BHXH tính đề nghị
1	Bùi Văn Cường	1987-07-16	7411215657	số 788/QĐ-SLĐTBXH ký ngày 02/03/2020	Công văn số 1130 ngày 29/12/2020
2	Nguyễn Thị Thế Thanh	1991-09-16	5414006025	Số 8434/QĐ-SLĐTBXH ký ngày 17/12/2020	Công văn số 138/BHXH-CĐBBHXH ngày 29/12/2020

Phụ lục 02

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP HƯỞNG TRỢ CẤP TN SAI NHƯNG CHƯA THU HỒI

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số số BHXH	Số CMND/CCCD	Số Quyết định thu hồi	Số tiền còn phải thu hồi
1	Võ Thị Hồng Hào	12/02/1979	3904000741	221041264	524	8,907,120
2	Lê Quốc Thắng	11/09/1985	5414000132	221095409	828	2,456,400
3	Phan Châu Thành	26/03/1980	6307000591	220982450	1307	2,683,800
4	Nguyễn Ngọc Cường	10/05/1994	5416000999	221331181	2213	2,071,000
5	Nguyễn Thị Trúc Phương	06/11/1994	5420682490	221368849	3245	2,400,000
6	Phan Chí Thân	05/04/1984	5409003510	221129454	4774	3,809,600
7	Lê Đức Hiến	21/06/1985	5408002608	221151120	5701	2,125,020
8	Lê Quang Hưng	16/03/1991	7916317786	221315519	6101	4,605,120
9	Võ Tất Thành	18/05/1979	5420277767	221028273	6353	4,755,860
10	Phùng Thị Tiểu Ngọc	27/03/1998	5420364871	221460183	6838	3,212,200
11	Nguyễn Công Quang	06/03/1982	5410003086	221162958	6994	3,236,400
12	Đào Huy Thống	20/09/1984	7909341891	221086385	7208	2,820,000
13	Huyền Tuấn Cường	12/09/1987	5412000742	221203137	7434	4,453,560
14	Nguyễn Kim Linh	25/12/1996	7516163634	221425069	8047	3,688,500
15	Nguyễn Ngọc Tiên	07/05/1996	5420587926	221423466	8137	3,284,000
16	Nguyễn Ngọc Hội	12/12/1988	5416004567	221159744	8310	2,072,000
17	Nguyễn Thành Công	07/08/1989	5413003349	221183535	8588	4,352,400
18	Huyền Thị Hồng Phán	30/06/1996	5421095304	221419471	17	2,572,560
19	Võ Thị Diệu	16/08/1988	7510178430	221245342	18	2,980,200
20	Lê Văn Minh	13/11/1989	7913210069	221225415	3107	3,853,211
21	Trần Thị Quỳnh Như	13/09/1993	5420911155	221353998	3288	2,202,060
22	La Thị Mỹ Cúc	20/09/1993	5421162882	221382160	3737	3,493,540
23	Lê Minh Nguyễn	09/02/1993	5414005480	221360468	4015	2,428,440
24	Nguyễn Thành Nhân	1978	7912250804	341076665	4016	2,910,000
25	Võ Quốc Thiên	27/04/1980	0207475093	221041920	5401	2,208,000
26	Nguyễn Thị Vân Anh	29/01/1983	3905001260	221462979	5901	2,838,000
28	Nguyễn Bích Ngọc	25/07/1984	5410001044	221093649	6505	6,528,600
29	Nguyễn Thị Bích Phương	03/04/2001	3420170612	221460330	1010	2,304,100